TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trọng Sơn**

2. Ông **Trần Văn Xuyên**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vì Thị V** - Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Th** - Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Vì Thị V trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị V và anh Th kết hôn do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của anh chị hòa thuận và hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2021 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Anh chị đã được 2 bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Nay

tình cảm của chị V đối với anh Th không còn, vì vậy chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung:* Chị V và anh Th có 02 con chung là Lò Văn Th1 - sinh ngày 01/01/2004 và Lò Văn Th2- Sinh ngày 07/01/2006. Tại đơn khởi kiện chị V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị V có nguyện vọng để cho anh Th được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th1, còn chị V được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th2 (theo nguyện vọng của các cháu) cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị V không đề nghị Tòa án giải quyết. Thu nhập của chị V từ nghề làm ruộng và nghề phụ xây mỗi tháng được khoảng 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng, chị V đảm bảo có đủ điều kiện về kinh tế cũng như về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thiết.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:*

+ Về tài sản chung của vợ chồng: Chị V khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị V khai không có.

+ Về diện tích ruộng nương: Tại đơn khởi kiện và tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2021: Chị V khai không có, tại phiên tòa chị V khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2021, biên bản hòa giải ngày 15/4/2021 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Lò Văn Th trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh Th và chị V kết hôn do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của anh chị hòa thuận và hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng, cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2021 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị V vẫn cương quyết xin ly hôn, anh Th không nhất trí vì tình cảm của anh Th đối với chị V vẫn còn, mặt khác theo anh Th nguyên nhân này chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Anh Th, chị V có 02 con chung là Lò Văn Th1 - sinh ngày 01/01/2004 và Lò Văn Th2 - Sinh ngày 07/01/2006. Nếu phải ly hôn anh Th cũng nhất trí với nguyện vọng nuôi con chung của chị V và nguyện vọng của hai cháu, cụ thể: Anh Th được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th1, còn chị V được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th2 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Thu nhập của anh Th từ nghề làm ruộng và nghề phụ xây mỗi tháng được khoảng 6.000.000 đồng -

7.000.000 đồng anh Th đảm bảo có đủ điều kiện về kinh tế cũng như về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th1.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:*

+ Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Th khai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về: Anh Th khai không có.

+ Về diện tích ruộng nương: Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Th khai không yêu cầu Tòa án giải quyết; tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2021 anh Th khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Vì Thị V và anh Lò Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Th là hợp pháp trên cơ sở được pháp luật công nhận, cả hai anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau (được chứng minh tại Đơn đề nghị ngày 09/4/2021 của chị Vì Thị V có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 36), nên chị V tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Th, còn anh Th không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị V. Mặt khác, mâu thuẫn trên của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa và anh Th cũng chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ bởi lẽ Tòa án đã triệu tập anh Th đến tham gia phiên hòa giải lần hai vào ngày 09/6/2021 nhưng anh Th đã không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị V và anh Th vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị V được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị V và anh Th có 02 con chung là Lò Văn Th1 - sinh ngày 01/01/2004 và Lò Văn Th2 - Sinh ngày 07/01/2006. Xét thấy trong quá

trình giải quyết vụ án anh Th, chị V đều không có tranh chấp về việc nuôi con chung mà cùng thống nhất là anh Thanh được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Th1, còn chị V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th2 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Mặt khác, cháu Th1 và cháu Th2 đều đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai cháu Th1 có nguyện vọng được ở với anh Th, cháu Th2 có nguyện vọng được ở với chị V. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị V khai thu nhập của chị từ nghề làm ruộng và nghề phụ xây được 8.000.000 đồng - 9.000.000 đồng/1 tháng, anh Th khai thu nhập của anh Th từ nghề làm ruộng và nghề phụ xây mỗi tháng được khoảng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng, chị V và anh Th đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các con chung của chị V và anh Th Hội đồng xét xử cần giao con chung là cháu Th1 cho anh Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là cháu Th2 cho chị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:*

+ Về tài sản chung của vợ chồng, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

*) *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Vì Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Vì Thị V được ly hôn với anh Lò Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Văn Th1 - sinh ngày 01/01/2004 cho anh Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung Lò Văn Th2 - Sinh ngày 07/01/2006 cho chị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ:

+ Về tài sản chung của vợ chồng, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản riêng của từng người, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Vì Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0004759 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/6/2021).

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Thanh An, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến